

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2023

V/v: “*không công nhận
là vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thúy Hằng;
2. Ông Cao Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về “*không công nhận là vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị C, sinh năm 1966.

- *Bị đơn:* ông Lê Đình L, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông L sống chung như vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, cuộc sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông L nên bà yêu cầu không công nhận bà và ông L là vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung tên là Lê Thị Kim C, sinh năm 1989 và Lê Văn T, sinh năm 1990. Hiện các con đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Ông yêu cầu giải quyết không công nhận ông và bà C là vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung tên là Lê Thị Kim C, sinh năm 1989 và Lê Văn T, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã thành niên, lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông L cư trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Bà C yêu cầu không công nhận bà và ông L là vợ chồng nên quan hệ pháp luật giải quyết là “*không công nhận là vợ chồng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà C và ông L thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại đơn xin xác nhận ngày 21/11/2022, Ủy ban nhân dân xã Quế Xuân 1, huyện Quế Sơn xác nhận: “*Ông Lê Đình L và bà Lê Thị C có sống chung như vợ chồng và sinh hạ được hai người con chung*”. Như vậy, bà C và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận bà C và ông L là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên là Lê Thị Kim C, sinh năm 1989 và Lê Văn T sinh năm 1990. Hiện nay, các con chung đã thành niên, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[5]. Về án phí: bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về việc "*không công nhận là vợ chồng*".

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị C và ông Lê Đình L.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà Lê Thị C phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà C đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004879 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15 - 3 - 2023), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Xuân 1, huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ